TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT-
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày: 21/01/2022
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Cúc
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Bà Đinh Thị Phương Lan
  2/ Bà Phạm Hồng Gái
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất*: không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2021/TLST- DS ngày 22 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) SGTT

Trụ sở: Số 266-268 Nam Kỳ khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm– Tổng giám đốc.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Lê Tấn T – Phó Phòng GD Hòn Đất.

Địa chỉ: Khu phố Đường Hòn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn C (Tràng), sinh năm 1966
Bà Thị M, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Khu phố Đầu Doi, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG

(Ông Tài có mặt. Ông C, bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện tham gia tố tụng của Ngân hàng trình bày:*

Căn cứ vào Hợp đồng vay vốn số LD1826900478 ký ngày 27/9/2018 và Giấy nhân nợ ngày LD1927800244 ký ngày 05/10/2019 Ngân hàng TMCP SGTT- chi nhánh Kiên Giang – Phòng giao dịch Hòn Đất đã giải ngân cho ông Phan Văn C và bà Thị M số tiền vay là 100.000.000 đồng, lãi suất 13,2%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, gốc trả cuối kỳ, lãi trả 6 tháng/lần, mục đích vay bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp, thời điểm trả hết nợ ngày 05/10/2020. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông C và bà M đã ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 12360837.1.1 ký ngày 27/9/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số V859575 cấp ngày 14/5/2003 mang tên Phan Văn Tràng (C), diện tích 417m^2, đất thổ cư NT, đất vườn tạp thuộc thửa số 86 và 86a, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại khu phố Đầu Doi, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông C và bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi hết thời hạn trả nợ, cụ thể vào ngày 27/10/2020 bà M, ông C trả được 10.000.000 đồng tiền gốc, còn lại đến nay vẫn chưa thanh toán mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhỡ nhiều lần. Tính đến ngày 28/4/20211 ông Phan Văn C và bà Thị M còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 106.267.824 đồng, trong đó gốc là 90.000.000 đồng, lãi trong hạn là 6.492.329 đồng và lãi quá hạn là 9.775.595 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn C và bà Thị M liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ tạm tính đến ngày 28/4/20211 là 106.267.824 đồng.

** Bị đơn ông Phan Văn C và bà Thị M:*

Trong thời gian thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, ông Phan Văn C và bà Thị M đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên ông bà không có mặt tại Tòa theo Giấy triệu tập và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung khởi kiện của Ngân hàng SGTT nên không có lời khai của ông C, bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn C và bà Thị M phải trả số tiền vay theo

hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng vào ngày 27/9/2018. Ông C và bà M cư trú tại khu phố Đầu Doi, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Văn C và bà Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C, bà M.

3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Vào ngày 27/9/2018 ông Phan Văn C và bà Thị M có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP SGTT, chi nhánh Kiên Giang – Phòng giao dịch Hòn Đất để vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 13,2%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, gốc trả cuối kỳ, lãi trả 6 tháng/lần, mục đích vay bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp. Hợp đồng tín dụng được ký kết đúng theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông C, bà M đã thanh toán được số tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 6.618.808 đồng, sau đó thì ông bà ngưng trả gốc, lãi. Đến nay hợp đồng đã hết thời hạn nhưng ông C, bà M cố tình trốn tránh không thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Xét thấy, trong suốt thời gian chuẩn bị xét xử, ông C và bà M không có mặt tại Tòa để chứng minh nghĩa vụ trả nợ của mình, đồng thời cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng SGTT nên mặc nhiên thừa nhận số nợ gốc và lãi mà Ngân hàng SGTT đã khởi kiện ông bà tại Tòa án. Như vậy ông C, bà M đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của mình đối với Ngân hàng SGTT nên vi phạm Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, phía Ngân hàng SGTT khởi kiện yêu cầu ông C và bà M có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng SGTT số tiền vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/01/2022 là 118.955.705 đồng (trong đó gốc 90.000.000 đồng; lãi trong hạn 6.492.329 đồng; lãi quá hạn 22.463.376 đồng) là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số V859575 cấp ngày 14/5/2003 mang tên Phan Văn Tràng (C), diện tích 417m^2, đất thổ cư NT, đất vườn tạp thuộc thửa số 86 và 86a, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại khu phố Đầu Doi, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Hợp đồng thế chấp tài sản

được ký kết và được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Do đó nếu ông C, bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng SGTT có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ nợ vay.

Từ nhận định nêu trên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng SGTT.

4] Về án phí DSST:

- Ông C, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.947.785 đồng (118.955.705 đồng x 5%).

- Ngân hàng SGTT được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 161, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT đối với ông Phan Văn C và bà Thị M.

Buộc ông Phan Văn C và bà Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/01/2022 là 118.955.705 đồng (Một trăm mười tám triệu, chín trăm năm mươi lăm ngàn, bảy trăm lẻ năm đồng). Trong đó;

- Nợ gốc: 90.000.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 6.492.329 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 22.463.376 đồng.

Kể từ sau ngày 21/01/2022, ông C và bà M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP SGTT thì lãi suất mà ông C, bà M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT theo quyết định của Tòa

án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Khi ông C, bà M trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP SGTT thì Ngân hàng TMCP SGTT có trách nhiệm trả lại cho ông C, bà M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V859575 do Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp ngày 14/5/2003 đứng tên ông Phan Văn Tràng.

Trường hợp ông C, bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP SGTT có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ nợ vay.

2. Về án phí:

- Ông Phan Văn C và bà Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.947.785 đồng (Năm triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn, bảy trăm tám mươi lăm đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.657.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng), theo biên lai thu số 0003178 ngày 17/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Phan Văn C và bà Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cúc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.